

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
XÃ KHÁNH CƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 203/UBND

Khánh Cường, ngày 14 tháng 8 năm 2025

Về việc kiểm tra thông tin người  
hoạt động không chuyên trách ở  
cấp xã nghỉ tình gián biên chế  
theo Nghị định số 154/2025/NĐ-  
CP của Chính phủ

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ quy định về tình gián biên chế;

Căn cứ Quyết định số 327/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt danh sách đối tượng tình gián biên chế năm 2025 đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã;

Thực hiện theo Công văn số 648/SNV-XDCQ ngày 13/8/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi về việc phối hợp kiểm tra thông tin người hoạt động không chuyên trách cấp xã nghỉ tình gián biên chế theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính Phủ;

UBND xã Khánh Cường đã tiến hành kiểm tra thông tin, rà soát lại từng đối tượng. Trong đó có 01 đối tượng ( bà Trần Ánh Ly) bị sai thời gian. Lý do: Đối tượng có thời gian từ ngày 01/5/2018 đến ngày 28/02/2019 làm việc tại Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Sơn Hà. Nhưng không có Quyết định hay hợp đồng lao động để minh chứng thời gian làm việc tại đơn vị trên. Do vậy, UBND xã xin được điều chỉnh giảm thời gian là 09 tháng so với ban đầu.

*(Có phụ lục và cam kết kèm theo).*

Kính đề nghị Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi xem xét điều chỉnh lại thời gian và kinh phí để UBND xã Khánh Cường thực hiện chi trả chế độ, chính sách cho người hoạt động không chuyên trách đúng quy định./. *Am*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- CT, PCT UBND xã;
- Phòng VH- XH xã;
- Lưu: VT.



**CHỦ TỊCH**

*Nguyễn Thị Kiều*



**DANH SÁCH VÀ KINH PHÍ CHI TRẢ CHO NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH CẤP XÃ NGHĨ**  
**THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 154/2025/NĐ-CP NĂM 2025**  
*(Kèm theo Công văn số 203/UBND ngày 14/8/2025 của UBND xã Khánh Cường)*

| STT    | Họ và tên         | Ngày tháng năm sinh | Trình độ đào tạo | Chức vụ, chức danh/đơn vị bắt đầu tham gia công tác            | Chức vụ, chức danh/đơn vị hiện (theo NO/30/2023)               | Mức phụ cấp hiện hưởng (theo NO/30/2023) | Trong đó    |             | Mức phụ cấp theo HBND (lần mức lương cơ sở/người ở/thần g) | Mức phụ cấp theo mức của tính hỗ trợ | Th              | Th              | Thời gian công tác      |                         | Số năm nghỉ ngơi | Chính sách đề xuất được hưởng |        |        | Kinh phí thực hiện chính sách (đồng) |                 |                              |                      |                                                                     | Lý do tình hình biên chế | Đổi tương, chế độ được hưởng (Chỉ rõ theo quy định tại Điểm, Khoản, Điều của Nghị định) |
|--------|-------------------|---------------------|------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------|-------------|-------------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------------|-------------------------|------------------|-------------------------------|--------|--------|--------------------------------------|-----------------|------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|
|        |                   |                     |                  |                                                                |                                                                |                                          | Mức phụ cấp | Mức phụ cấp |                                                            |                                      |                 |                 | Tổng thời gian công tác | Tổng thời gian công tác |                  | Điểm a                        | Điểm b | Điểm c | Tổng cộng                            | Trợ cấp một lần | Trợ cấp cho mỗi năm công tác | Trợ cấp tìm việc làm |                                                                     |                          |                                                                                         |
| 1      | 2                 | 3                   | 4                | 5                                                              | 6                                                              | 7=8+9                                    | 8           | 9           | 10                                                         | 11                                   | 12              | 13=14+15        | 14                      | 15                      | 16               |                               |        |        |                                      | 17=18+19+20     | 18                           | 19                   | 20                                                                  | 21                       |                                                                                         |
| I Cộng |                   |                     |                  |                                                                |                                                                |                                          |             |             |                                                            |                                      |                 |                 |                         |                         |                  |                               |        |        |                                      |                 |                              |                      |                                                                     |                          |                                                                                         |
| 1      | Nguyễn Thị Thu Hà | 25/01/1999          | Đại học          | Phụ trách VH/DTT-TT-Công tác XH, DS bảo vệ trẻ em xã Phố Cường | Phụ trách VH/DTT-TT-Công tác XH, DS bảo vệ trẻ em xã Phố Cường | 2,34                                     | 1,5         | 0,84        | 01/02/2022                                                 | 01/07/2025                           | 5               | 01 năm 5 tháng  | 01 năm 5 tháng          | 33 năm 7 tháng          | x                |                               |        |        | 66.163.500                           | 47.736.000      | 7.897.500                    | 10.530.000           | Nghị ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp |                          |                                                                                         |
| 2      | Võ Hiền           | 18/8/1965           | Chưa qua đào tạo | Phụ trách DTT-Qual lý NVH xã Phố Cường                         | Phụ trách DTT-Qual lý NVH xã Phố Cường                         | 1,5                                      | 1,5         |             | 21/01/7/2027                                               | 5                                    | 14 năm 11 tháng | 14 năm 11 tháng | 1 năm 11 tháng          |                         |                  |                               |        |        | 154.089.000                          | 64.584.000      | 78.975.000                   | 10.530.000           | Nghị ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp |                          |                                                                                         |
| 3      | Võ Thị Xuân Tươi  | 30/5/1971           | Trung cấp        | PCT Hội LHPN xã Phố Cường                                      | PCT Hội LHPN xã Phố Cường                                      | 1,86                                     | 1,5         | 0,36        | 01/01/2014                                                 | 01/7/2025                            | 5               | 11 năm 6 tháng  | 11 năm 6 tháng          | 3 năm 11 tháng          |                  |                               | x      |        | 203.053.500                          | 131.976.000     | 60.547.500                   | 10.530.000           | Nghị ngay kể từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp |                          |                                                                                         |







|   |                |            |                  |                                                |                                             |      |     |      |  |             |            |                 |                 |                 |  |  |  |   |             |             |            |            |                                                                     |  |
|---|----------------|------------|------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------|------|-----|------|--|-------------|------------|-----------------|-----------------|-----------------|--|--|--|---|-------------|-------------|------------|------------|---------------------------------------------------------------------|--|
| 4 | Phạm Ngọc Bạch | 21/6/1986  | Chưa qua đảo tạo | PCT Hội CCB xã Phố Cường                       | PCT Hội CCB xã Phố Cường                    | 1,5  | 1,5 |      |  | 06/01/7/202 | 5          | 8 năm 03 tháng  | 8 năm 03 tháng  | 23 năm          |  |  |  | x | 223.762.500 | 168.480.000 | 44.752.500 | 10.530.000 | Ngời ngay kê từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp |  |
| 5 | Trần Ánh Ly    | 09/6/1989  | Đại học          | Phó Trưởng ban tuyên giáo Đảng ủy xã Phố Cường | Phó Chủ nhiệm UBND Đảng ủy xã Phố Cường     | 2,34 | 1,5 | 0,84 |  | 25/7/2 015  | 01/7/202 5 | 5 năm           | 5 năm           | 24 năm          |  |  |  | x | 205.335.000 | 168.480.000 | 26.325.000 | 10.530.000 | Ngời ngay kê từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp |  |
| 6 | Nguyễn Văn Cẩm | 30/10/1968 | Trung cấp        | Phụ trách GT-TL-KN-Thủ y cơ sở xã Phố Cường    | Phụ trách GT-TL-KN-Thủ y cơ sở xã Phố Cường | 1,86 | 1,5 | 0,36 |  | 01/08/201 0 | 01/7/202 5 | 14 năm 11 tháng | 14 năm 11 tháng | 05 năm 04 tháng |  |  |  | x | 257.985.000 | 168.480.000 | 78.975.000 | 10.530.000 | Ngời ngay kê từ khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp |  |

\* Danh sách này có 06 người

Người lập

(Ký, ghi rõ họ tên và số điện thoại)



Trương Thị Thu Thảo  
976551305

CHỦ TỊCH UBND XÃ

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Thị Kiều



